

IV. KẾT LUẬN

- Đã thu thập được 7 dòng/giống nhãn chín sớm tại Hưng Yên, các cây đều có khối lượng quả lớn, mã quả đẹp và độ Brix đạt cao, năng suất đạt cao hơn năng suất trung bình của các giống nhãn đại trà từ 20 - 50%, thời gian thu hoạch từ 15 - 25/7.

- Giống nhãn khảo nghiệm PHS 1 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt và tương đương như giống đối chứng Hương Chi. Hiệu quả kinh tế từ giống nhãn khảo nghiệm cao gấp 1,5 - 1,9 lần giống nhãn Hương Chi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Mạnh Hải, Nguyễn Thị Bích Hồng (2010). *Kết quả nghiên cứu, tuyển chọn và khảo nghiệm giống HTM - 2*, Tạp

chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam.

2. Phạm Thị Hương (2008). *Bài giảng cây ăn quả 1*. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
3. Trần Văn Khởi, Đào Xuân Thăng (2000), "*Kết quả bước đầu tuyển chọn giống nhãn*", Tạp chí Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm, số 4, tr 164 - 165.
4. Jonathal H. Crane, Carlos F. Balerdi (2001). *The Longan in Florida*, University of Florida Cooperative Extension Service.

Ngày nhận bài: 25/5/2013

Người phản biện: TS. Đào Xuân Thăng,
ngày 6/6/2013

Ngày duyệt đăng: 5/7/2013

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA ĐÀO CHO MIỀN BẮC VIỆT NAM

Đặng Văn Đông, Nguyễn Thị Thu Hằng

SUMMARY

Results of selecting peach flower varieties for the North of Vietnam

From germplasm collection of cherry varieties in Northern Vietnam, the Fruit and Vegetable Research Institute has selected 3 peach blossom varieties ĐBi1, ĐBa1, ĐP1 with some good characteristics such as: good growth and development, high-quality flowers, typical flower colors including variety ĐBi1 with red flowers, variety ĐP1 with pale pink flowers, variety ĐBa1 with white flowers which are all preferred by consumers, in accordance with the ecological conditions of some localities.

Keywords: Peach blossom varieties; ĐBi1, ĐBa1, ĐP1, growth, development, accordance

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa đào (*Prunus persia* (L.) Batsch) xuất hiện ở Việt Nam từ rất lâu đời. Thú chơi đào ngày Tết đã trở thành một phong tục, một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc không thể thiếu được của người dân miền

Bắc nước ta. Chính vì vậy, ở miền Bắc đã hình thành một số vùng sản xuất hoa đào chuyên canh như Nhật Tân (Hà Nội), Phường Hoàng Văn Thụ (TP Bắc Giang), Gia Lộc (Hải Dương), Đồng Thái (Hải Phòng), Đông Hưng (Thái Bình)... Những vùng này mỗi năm cung cấp hàng chục vạn

cây đào cho thị trường, thu nhập của người trồng hoa đào đạt tới 500 triệu đến 1 tỷ đồng/ha/năm. Trong đó lợi nhuận 30 - 50%.

Tuy hoa đào được trồng lâu đời thành những vùng sản xuất lớn, nhưng vẫn chủ yếu trồng các giống truyền thống, có từ hàng trăm năm nay. Bên cạnh những ưu điểm những giống này cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, đồng thời càng ngày càng bộc lộ sự thoái hóa dẫn đến chất lượng hoa không cao.

Để lựa chọn các giống hoa đào có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của một số địa phương, đáp ứng được thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng. Từ tập đoàn hoa đào thuộc nhiệm vụ: “Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen một số giống hoa đào miền Bắc Việt Nam” chúng tôi đã tiến hành: “*Tuyển chọn một số giống hoa đào miền Bắc Việt Nam*”.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

Gồm 30 mẫu giống hoa đào được thu thập từ 13 tỉnh thành miền Bắc Việt Nam đang được trồng tại Viện Nghiên cứu Rau quả. Cụ thể như sau:

TT	Chủng loại (theo màu hoa)	Nguồn gốc (theo nơi thu thập)	Số mẫu giống	Tỷ lệ %
1	Đào Bích	Hà Nội, Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Yên Bái, Lạng Sơn, Sơn La, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Bắc Giang, Hà Giang	15	50,00
2	Đào Phai	Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, Yên Bái, Sơn La, Lào Cai, Bắc Kạn, Hà Giang	8	26,66
3	Đào Bạch	Lạng Sơn, Hà Nội, Lào Cai	3	10,00
4	Đào đỏ nhung	Lạng sơn, Hà Nội	2	6,67
5	Đào đỏ tiết dê	Lạng sơn, Lào Cai	2	6,67
	Cộng		30	100

2. Phương pháp nghiên cứu

* Các bước tiến hành

Năm 2009, 2010: Thu thập, đánh giá tập đoàn nguồn gen hoa đào tại Viện Nghiên cứu Rau quả (Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội).

Năm 2011: Khảo nghiệm cơ bản các nguồn gen triển vọng tại Viện Nghiên cứu Rau quả (Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội).

Năm 2012: Khảo nghiệm sản xuất đối với 3 giống có triển vọng là các giống

ĐB11, ĐP1, ĐB1 tại các địa phương Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Dương

* Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Thí nghiệm đánh giá tập đoàn hoa đào được bố trí theo phương pháp tuần tự, không nhắc lại.

- Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, mỗi lần nhắc lại 10 cây.

- Thí nghiệm khảo nghiệm sản xuất bố trí các giống theo phương pháp tuần tự không nhắc lại, diện tích mỗi giống là 2ha

Điều kiện thí nghiệm: Chăm sóc cây thí nghiệm được áp dụng quy trình kỹ thuật trồng hoa đào của Viện Nghiên cứu Rau quả.

Chỉ tiêu theo dõi: Các nguồn gen hoa đào được theo dõi các chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng, chất lượng hoa và khả năng chống chịu sâu bệnh.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả khảo sát tập đoàn

Bảng 1. Đặc điểm hình thái của các nguồn gen trong tập đoàn

Chỉ tiêu nghiên cứu	Biểu hiện	Số nguồn gen	Tỷ lệ (%)	Nguồn gen đại diện
Kiểu phân cành	Hình cột	20	66,67	01-1, 01-2, 02-1, 02-2...
	Thẳng đứng	10	33,33	06-1, 06-2, 07, 08...
Màu sắc lá	Màu xanh biếc	17	56,67	01-1, 01-2, 02-1, 02-2, 04-1...
	Màu xanh nhạt	10	33,33	06-1, 06-2, 07, 08....
	Màu xanh thẫm	3	10,00	15, 16, 03-2
Hình dạng lá	Mũi mác	14	50,00	06-1, 06-2, 07, 08...
	Mũi mác hẹp	16	46,67	01-1, 01-2, 02-1, 02-2, 03-1...
Hình dạng nụ	Tròn	9	30,00	02-1, 02-2, 08, 10, 11...
	Trứng	17	56,67	01-1, 03-1, 04-1, 05, 15, 16...
	Ô van hẹp	2	6,67	03-1, 07
	Elip	2	6,67	09, 06-3
Màu sắc hoa	Đỏ đậm	3	10,00	04-1, 15, 16
	Đỏ	7	23,33	01-1, 01-2, ...
	Đỏ nhung	2	6,67	13, 14
	Hồng đậm	8	26,67	02-1, 02-2, 03-1, 03-2...
	Hồng	7	23,33	05-1, 05-2, 06-1, 06-2...
	Hồng nhạt	1	3,33	07
	Trắng	2	6,67	08, 09
Loại cánh	Đơn	3	10,00	01-4, 07, 09
	Kép	27	90,00	01-1, 01-2, 05, 15, 16...

Nhìn chung, đặc điểm hình thái của các giống đào trồng thử nghiệm không thay đổi nhiều so với trồng tại nơi nguyên sản của nó, điều này được giải thích là các đặc điểm này phụ thuộc phần lớn vào bản chất di truyền của giống.

Sau khi tiến hành đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng hoa của mẫu giống thí nghiệm, các kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu về chất lượng hoa của các nguồn gen hoa đào

Chỉ tiêu	Biểu hiện	Số nguồn gen	Tỷ lệ (%)	Nguồn gen đại diện
Số lượng cánh/hoa (cánh)	5	2	43,33	07, 09
	14-16	3	6,67	14, 15, 16...
	16-20	9	10,00	02-1, 04-1, 8...
	>20	16	30,00	01-1, 03-1, 05-1, 08...
Đường kính hoa (cm)	2,0-3,0	10	53,33	04-1, 06-1, 09...
	>3,0 -3,5	14	33,33	01-1, 02-1, 07....
	>3,5 -4,0	5	46,67	02-1, 08.....
	> 4,0	1	16,67	05-1
Tỷ lệ hoa nở (%)	<70%	9	3,33	04-1, 13, 14.....
	70-80%	8	30,00	15, 16, 02-1....
	80-90%	6	26,67	03-1, 06-1, 07....
	>90%	7	20,00	01-1, 05-1, 08....
Độ bền hoa tự nhiên (ngày)	4-5	7	23,33	09, 06-1...
	>5-7	18	23,33	01-1, 02-1, 07...
	>7	15	60,00	03-1, 04-1, 05-1...

Qua đánh giá tập đoàn nguồn gen hoa đào nhận thấy một số dòng, giống ĐBi1, ĐBi3, ĐBa1, ĐP1, ĐN1, ĐTD1 màu sắc đặc trưng cho các nhóm giống có khả năng ra hoa, đường kính hoa > 3,0cm, tỷ lệ hoa nở trong khoảng cho phép.

2. Kết quả khảo nghiệm cơ bản

Kết quả tỷ lệ sống và thời gian bật mầm của các nguồn gen hoa đào triển vọng thể hiện tại bảng 3.

Tỷ lệ sống ở tất cả các dòng đều rất cao, trong đó giống ĐBi1 có tỷ lệ cao nhất đạt 98%, thấp nhất là giống ĐTD1 đạt 87,5%.

Thời gian bật mầm mới: Giống ĐBi1 khả năng bật mầm mới sau trồng sớm nhất và nhanh nhất 18 ngày, hai giống ĐBi3 và ĐP1 tương đương nhau 17 ngày, giống đào ĐN1 khả năng bật mầm mới chậm nhất 25 ngày.

Bảng 3. Tỷ lệ sống và thời gian bật mầm mới của các dòng, giống hoa đào triển vọng

Giống	Chỉ tiêu	Tỷ lệ sống (%)	Thời gian bật mầm mới (ngày)		
			10% số cây bật mầm	50% số cây bật mầm	90% số cây bật mầm
ĐBi1		98,0	8	12	18
ĐBi3		95,4	9	13	17
ĐP1		97,4	9	13	17
ĐBa1		96,2	10	13	19
ĐN1		93,2	13	19	25
ĐTD1		87,5	11	16	20

Để đánh giá tốc độ sinh trưởng của 6 giống, tiến hành theo dõi một số chỉ tiêu về đường kính thân, đường kính tán. Số liệu thu được ở bảng 4.

Sau trồng 6 tháng đường kính thân của các giống dao động từ 1,1 - 1,8cm, đường

kính tán dao động từ 0,74 - 1,89cm. Trong đó giống ĐP1 có đường kính thân (1,8cm), đường kính tán (1,89cm) là lớn nhất, giống ĐN1 có đường kính thân (1,9cm), đường kính tán (0,74cm) nhỏ nhất.

Bảng 4. Khả năng tăng trưởng của đường kính thân, tán của các dòng, giống hoa đào triển vọng

Chi tiêu Giống	2 tháng sau trồng		4 tháng sau trồng		6 tháng sau trồng	
	Đường kính thân (cm)	Đường kính tán (m)	Đường kính thân (cm)	Đường kính tán (m)	Đường kính thân (cm)	Đường kính tán (m)
ĐBi1	0,6	0,35	1,1	0,57	1,6	1,13
ĐBi3	0,3	0,25	0,7	0,58	1,5	0,83
ĐP1	0,7	0,48	1,1	0,87	1,8	1,89
ĐBa1	0,5	0,40	0,9	0,75	1,5	1,56
ĐN1	0,3	0,32	0,6	0,50	1,1	0,74
ĐTD1	0,3	0,30	0,7	0,62	1,2	0,90
CV(%)					7,7	11,97
LSD _{.05}					0,3	0,6

Động thái tăng trưởng chiều dài cành lộc của các giống sau cắt tỉa lần cuối có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định thời điểm tác động các biện pháp kỹ thuật để kìm hãm sự sinh trưởng giúp cây ra hoa vào dịp Tết. Kết quả theo dõi sự sinh trưởng của chiều dài cành lộc sau cắt tỉa lần cuối 20 ngày, 30 ngày, 40 ngày của các giống đào được trình bày trong bảng 5.

Chiều dài cành lộc sau 40 ngày cắt tỉa dao động từ 20,53cm đến 37,25cm. Giống

ĐP1 có chiều dài cành lộc lớn nhất 37,25cm, tiếp đó là các giống ĐBi3, ĐBa1. Dòng ĐN1 có chiều dài cành lộc nhỏ nhất 20,53cm.

Đường kính cành lộc của các dòng không có sự khác nhau nhiều sau cắt tỉa lần cuối 20 ngày, 30 ngày, 40 ngày chỉ tăng từ 0,09 - 0,11cm. Dòng đào ĐBi3 có đường kính cành lộc lớn nhất 0,24cm. Các dòng ĐBi1, ĐN1, ĐTD1 có đường kính cành lộc nhỏ nhất là 0,2cm.

Bảng 5. Động thái tăng trưởng của chiều dài cành lộc và đường kính cành lộc của các dòng giống đào sau cắt tỉa lần cuối

Chi tiêu Giống	Sau cắt tỉa lần cuối					
	20 ngày		30 ngày		40 ngày	
	Chiều dài cành lộc (cm)	Đường kính cành lộc (cm)	Chiều dài cành lộc (cm)	Đường kính cành lộc (cm)	Chiều dài cành lộc (cm)	Đường kính cành lộc (cm)
ĐBi1	5,23	0,11	14,15	0,16	26,45	0,20
ĐBi3	5,42	0,12	16,33	0,18	30,53	0,24
ĐP1	6,16	0,15	18,7	0,21	37,25	0,23
ĐBa1	5,73	0,13	16,15	0,19	29,45	0,23
ĐN1	5,00	0,11	13,33	0,15	20,53	0,20
ĐTD1	4,56	0,1	12,23	0,15	24,46	0,20
CV(%)					7,3	12,6
LSD _{.05}					5,24	0,03

Khả năng phân hóa mầm hoa và ra hoa khi nụ bắt đầu xuất hiện đến khi đạt cực thể hiện qua các chỉ tiêu thời gian xuất hiện đại, thời gian hoa nở chênh lệch so với Tết mầm hoa sau khi khoanh vỏ, thời gian từ Nguyên đán được thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Thời gian xuất hiện mầm hoa và nở hoa của các dòng, giống hoa đào

Chi tiêu Giống	Thời gian từ khoanh vỏ đến xuất hiện mầm hoa (50%) (ngày)	Thời gian từ xuất hiện nụ đến đạt kích thước cực đại (50%) (ngày)	Thời gian từ nụ đạt cực đại đến hoa nở (50%) (ngày)
ĐBi1	20,7	17,7	2,6
ĐBi3	26,4	19,6	3,0
ĐP1	23,3	18,3	2,8
ĐBa1	26,3	21,3	3,3
ĐN1	28,6	19,5	3,1
ĐTD1	30,7	20,7	3,0

Thời gian từ xuất hiện nụ đến kích thước cực đại biến động từ 17,7 - 21,3 ngày, dòng ĐBa1 nụ đạt cực đại chậm nhất 21,3 ngày, dòng ĐBi1 nụ đạt cực đại nhanh nhất là 17,7 ngày, tiếp sau đó là các dòng ĐP1 (18,3 ngày), ĐBi1 (19,6 ngày, ĐP), ĐN1 (20,7 ngày), ĐTD1 (20,7 ngày).

Thời gian từ nụ cực đại đến nở hoa của các dòng không chênh nhau nhiều, dao

động từ 2,6 - 3,3 ngày. Dòng ĐBa1 có thời gian từ nụ cực đại đến nở hoa chậm nhất 3,3 ngày. Dòng ĐBi1 có thời gian từ nụ cực đại đến nở hoa nhanh nhất 2,6 ngày.

Sau khi tiến hành đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng hoa của các dòng thí nghiệm, các kết quả được trình bày tại bảng 7.

Bảng 7. Một số chỉ tiêu về chất lượng hoa của các dòng, giống hoa đào nghiên cứu

Chi tiêu Giống	Số lượng cánh	Đường kính hoa (cm)	Tỷ lệ hoa nở (%)	Độ bền cành hoa tự nhiên (ngày)
ĐBi1	21,0	3,3	93,7	13,2
ĐBi3	22,5	3,4	82,4	15,7
ĐP1	23,0	4,7	97,7	14,2
ĐBa1	21,5	4,2	94,1	16,6
ĐN1	16,0	3,2	63,3	10,5
ĐTD1	16,0	3,0	75,6	9,7
CV(%)		7,2		
LSD _{.05}		0,67		

Số lượng cánh hoa của dòng ĐP1 lớn nhất 23 cánh tiếp sau là dòng ĐBi3 là 22 cánh. Dòng ĐBa1 là 21,5 cánh, ĐBi1 là 21 cánh. Dòng ĐN1, ĐTD1 có số lượng cánh hoa ít nhất 16 cánh.

Đường kính hoa của các dòng nhìn chung thuộc loại có hoa to và dao động từ 3,0 - 4,7cm. ĐP1 có đường kính hoa lớn nhất 4,7cm và dòng ĐTD1 có đường kính hoa nhỏ nhất 3,0cm.

Tỷ lệ hoa nở của các dòng dao động từ 63,3 - 97,7%. Giống ĐP1 có tỷ lệ hoa nở cao nhất 97,7%, tiếp đó là giống ĐBa1 (94,1%), ĐBi3 (93,7%). Dòng ĐN1 có tỷ lệ hoa nở thấp nhất 63,3%.

Độ bền cành hoa tự nhiên của các dòng dao động từ 9,7- 16,6 ngày. Dòng ĐBa1 có độ bền cao nhất 16,6 ngày, sau đó là dòng ĐBi3 (15,7 ngày), ĐP1 (14,2 ngày), ĐBi1 (13,2 ngày), ĐN1 (10,5 ngày) độ bền cành hoa thấp nhất là dòng ĐTD1 (9,7 ngày).

Nhìn chung, các giống ĐBi3, ĐN1, ĐTD1 có số lượng cánh hoa cao, đường kính hoa lớn, độ bền cành hoa tự nhiên cao

tuy nhiên các giống này đều có tỷ lệ hoa nở thấp, các giống ĐBi1, ĐP1, ĐBa1 có chất lượng hoa cao, tỷ lệ hoa nở cao.

Bảng đánh giá cảm quan cho điểm ghi trong phiếu thông qua đánh giá của các nhà nghiên cứu, nhà kỹ thuật, nhà kinh doanh, người sản xuất và người tiêu dùng kết quả thu được như bảng 8

Dòng ĐBi1 được bình tuyến xếp điểm cao nhất 8,8 điểm (dòng được ưa chuộng nhất) sau đó là các dòng ĐP1 (8,7 điểm), ĐBa1 (8,5 điểm), ĐBi3 (8,0 điểm). Các dòng còn lại được bình tuyến xếp ở loại trung bình là ĐTD1 (7,2 điểm), ĐN1 (6,9 điểm).

Bảng 8. Kết quả đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng cho các dòng, giống hoa đào triển vọng

TT	Giống	Các chỉ tiêu đánh giá								Tổng số điểm TB
		Màu sắc hoa	Số điểm	Tỷ lệ hoa nở	Số điểm	Đường kính hoa	Số điểm	Độ bền hoa	Số điểm	
1	ĐBi1	Đỏ	9,0	95,7	8,5	3,5	8,8	16,7	8,7	8,8
2	ĐBi3	Hồng đậm	8,0	82,4	7,6	3,4	8,0	15,7	8,3	8,0
3	ĐP1	Hồng	8,5	97,7	9,0	4,0	9,0	15,9	8,4	8,7
4	ĐBa1	Trắng	8,2	94,1	8,3	4,2	8,7	16,6	8,6	8,5
5	ĐN1	Đỏ nhung	8,1	63,3	5,3	3,2	7,1	10,5	7,2	6,9
6	ĐTD1	Đỏ đậm	8,6	75,6	5,7	3,0	7,9	9,7	6,8	7,2

Qua theo dõi 6 giống đào về mức độ bị sâu bệnh được thể hiện ở bảng 9.

Bảng 9. Tình hình sâu bệnh hại của các giống hoa đào nghiên cứu

Chi tiêu Giống	Sâu hại			Bệnh hại	
	Nhện đỏ (<i>Tetranychus</i> sp.)	Sâu đục ngọn (<i>Cydia</i> sp.)	Rệp sáp (<i>Coccus</i> <i>Hesperidum</i> L.)	Chảy gôm (<i>Cercospora</i> <i>circumscissa</i>)	Thùng lá (<i>Leucostoma</i> <i>persoonii</i>)
ĐBi1	2	2	1	1	1
ĐBi3	2	2	1	2	1
ĐP1	1	2	1	1	2
ĐBa1	1	2	1	1	1
ĐN1	2	3	2	2	1
ĐTD1	2	3	3	1	1

- Nhện đỏ: Xuất hiện và gây hại nặng từ tháng tư đến cuối tháng 9. Qua quan sát

thí nghiệm nhận thấy 4 giống ĐBi1, ĐBi3, ĐN1, ĐTD1 bị nhện đỏ hại là tương đương

nhau (11-25% số cây bị hại), 2 giống ĐP1, ĐBa1 bị nhện đỏ hại thấp hơn < 10% số cây bị hại.

- Sâu đục ngọn: Thường gây hại từ tháng 8 đến tháng 1. Mức độ bị hại trên 4 giống đào ĐBi1, ĐBi3, ĐP1, ĐBa1 đều ở mức trung bình (11-25% số cây bị hại), giống ĐN1, ĐTD1 bị sâu hại nặng hơn (26-50% số cây bị hại).

- Rệp sáp: Xuất hiện nhiều và gây hại trên giống đào ĐTD1 ở cấp 3 (26 - 50% số cây bị hại). Giống ĐBi1, ĐBi3, ĐP1, ĐBa1 bị nhẹ nhất ở cấp 1 (< 10% số cây bị hại). Giống ĐN1 bị hại ở cấp độ 2 (11-25% số cây bị hại).

- Bệnh thũng lá: Xuất hiện từ tháng 4 - tháng 6, do đào ĐP1 có kích thước lá to hơn nên mức độ bệnh thũng lá gây hại mạnh hơn (cấp 2), các giống còn lại đều bị bệnh thũng lá ở cấp 1.

- Bệnh cháy gôm: Bệnh hại trên tất cả các bộ phận thân, cành thường xuất hiện từ

tháng 3 đến tháng 11. Bệnh cháy gôm của các giống đào đều ở mức độ cho phép cấp 1-2.

Qua các nghiên cứu trên cho thấy tập hợp lại các chỉ tiêu về đánh giá khả năng sinh trưởng, chất lượng hoa, và khả năng chống chịu sâu bệnh thì giống ĐP1, ĐBi1, ĐBa1 có nhiều ưu điểm như có màu sắc được người tiêu dùng chấp nhận, tỷ lệ hoa nở cao, độ bền hoa lâu hơn các giống còn lại và quan trọng hơn là khả năng nhiễm một số sâu bệnh hại nhẹ hơn các giống còn lại.

Khảo nghiệm sản xuất giống ĐBi1, ĐP1, ĐBa1

Năm 2012, đã đưa 3 giống hoa đào ĐBi1, ĐBa1, ĐP1 là 3 giống được chọn lọc, khảo nghiệm từ các năm trước để thử nghiệm tại một số địa phương là Chương Mỹ - Hà Nội, TP Hải Dương, Cam Giá - Thái Nguyên. Kết quả khảo nghiệm thu được tại bảng 10.

Bảng 10. Một số đặc điểm của các giống ĐBi1, ĐP1, ĐBa1 khi khảo nghiệm sản xuất

Địa điểm trồng	Giống	Tỷ lệ sống (%)	Số lượng cành	Đường kính hoa (cm)	Tỷ lệ hoa nở (%)	Độ bền cành hoa tự nhiên (ngày)
Chương Mỹ - Hà Nội	ĐBi1	98,0	18,5	3,2	94,9	12,7
	ĐP1	95,4	21,5	4,3	97,9	14,7
	ĐBa1	93,2	22,0	3,7	95,2	16,2
Cam Giá - Thái Nguyên	ĐBi1	98,0	20,0	3,5	93,5	13,3
	ĐP1	96,4	22,0	4,6	96,6	15,3
	ĐBa1	94,2	24,0	3,9	94,3	17,2
TP Hải Dương	ĐBi1	97,0	18,0	3,1	94,7	11,7
	ĐP1	96,5	19,0	4,3	96,4	15,7
	ĐBa1	94,5	22,0	3,6	95,5	16,6
Gia Lâm - Hà Nội (đ/c)	ĐBi1	97,9	18,0	3,2	96,0	12,5
	ĐP1	95,5	21,0	4,0	94,3	14,3
	ĐBa1	92,3	22,0	3,6	92,8	16,3

Các giống đào trên được trồng các địa phương khác nhau đều cho thấy khả

năng sinh trưởng, phát triển của các giống là tương đương nhau. Đồng thời, 3

giống ĐBi1, ĐP1, ĐBa1 sinh trưởng và phát triển cũng tương tự với kết quả khi trồng khảo nghiệm tại Gia Lâm - Hà Nội, điều này cho thấy tính ổn định về thời gian và không gian của các giống hoa đào nghiên cứu.

Bên cạnh việc đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, chất lượng hoa đào của giống ĐP1 tại các địa phương, tính toán sơ bộ năng suất lý thuyết và hiệu quả kinh tế của ĐP1. Kết quả thu được tại bảng 11.

Bảng 11. Hiệu quả kinh tế của giống hoa đào ĐBi1, ĐP1, ĐBa1 trồng ở các địa phương năm 2012. Tính cho mỗi giống 200 cây/360 m²/1 vụ

Địa điểm	Giống	Phần thu			Phần chi (1000đ)	Lãi thuần (1000đ)	Hiệu quả đầu tư (lần)
		Số cây bán được (cây)	Giá bán (1000 đ/cây)	Tổng thu (1000 đ)			
Chương Mỹ - Hà Nội	ĐBi1	180	300	54.000	9.160	44.840	5,9
	ĐP1	184	280	51.520	9.160	42.360	5,6
	ĐBa1	160	300	48.000	9.160	38.840	5,2
Cam Giá - Thái Nguyên	ĐBi1	180	280	50.400	9.160	41.240	5,50
	ĐP1	180	260	46.800	9.160	37.640	5,1
	ĐBa1	170	250	42.500	9.160	33.340	4,6
TP Hải Dương	ĐBi1	176	250	44.000	9.160	34.840	4,80
	ĐP1	178	200	35.600	9.160	26.440	3,9
	ĐBa1	162	200	32.400	9.160	23.240	3,5

Nếu tính cho 200 cây trồng trong 1 vụ thì lãi thuần của mỗi giống trồng ở Hà Nội, Thái Nguyên cao hơn hẳn khi trồng ở Hải Dương. Hiệu quả đầu tư của các giống khi trồng tại 3 địa phương dao động từ 3,5 -5 lần so với đồng vốn.

ĐBi1 có hoa màu đỏ, đường kính hoa to, tỷ lệ nở hoa cao, giống đào ĐP1 có hoa màu hồng nhạt; ĐBa1 hoa màu trắng các chỉ tiêu khác tương tự giống hoa ĐBi1 và đều hơn các giống đối ứng (theo từng cặp tương ứng). Ba giống hoa này được thị trường rất ưa chuộng, nên có khả năng mở rộng sản xuất.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Từ tập đoàn 30 mẫu giống hoa đào thu thập từ 13 tỉnh thành miền Bắc Việt Nam hiện đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Rau quả, năm 2009, 2010 đã chọn lọc ra được 6 dòng, giống triển vọng ký hiệu ĐP1, ĐBi3, ĐBi1, ĐBa1, ĐN1, ĐTD1 có khả năng sinh trưởng, phát triển ra hoa ở điều kiện Gia Lâm - Hà Nội, có 1 số ưu điểm hơn so với các giống tương tự nơi nguyên sản thu thập.

- Khi đưa ra trồng ở các thời vụ tiếp sau và ở các địa phương khác nhau, 3 giống ĐBi1, ĐP1, ĐBa1 đều cho kết quả tương tự như khảo nghiệm ở vùng Gia Lâm - Hà Nội, điều đó chứng tỏ chúng có tính ổn định về cả không gian và thời gian.

- Trong số 6 dòng triển vọng 3 dòng: ĐBi1, ĐP1 và ĐBa1, trong đó giống hoa

2. Đề nghị

Đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận 3 giống hoa đào ĐP1, ĐBa1, ĐBi1 là giống cho sản xuất thử.

Tiếp tục nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật (biện pháp nhân giống, biện pháp xử lý ra hoa và dịp Tết, các biện pháp kỹ

thuật chăm sóc khác) nhằm hoàn thiện quy trình sản xuất các giống hoa đào ĐBi1,ĐP1, ĐBa1 phục vụ sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Đông, Nguyễn Thị Thu Hằng (2010), “*Cây Hoa đào và Kỹ thuật Trồng*”, NXB. Hà Nội.
2. Viện Nghiên cứu Rau quả (2011), “*Phiếu mô tả nguồn gen Hoa đào*”
3. Viện Bảo vệ Thực vật (2005), “*Tài liệu tập huấn nông dân Kỹ thuật trồng và chăm sóc mận, hồng, đào*”, NXB. Nông nghiệp.

4. Desmond R.layne and daniele Bassi (2008), “*The peach botany*”, production and uses CAB international.
5. Dongyan Hu, Ph.D, Junqiu Fu and Zoushuang Zhang, Donglin Zhang, Qixiang Zhang (2005), “*Guidelines for describing ornamental peach*”.
6. UPOV, 2010-03-24, *Peach*, Tr12,13.

Ngày nhận bài: 3/6/2013

Người phản biện: GS. TSKH. Trần Duy Quý,
ngày 10/6/2013

Ngày duyệt đăng: 5/7/2013

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ GIỐNG HOA LAN ĐAI CHÂU *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl TẠI GIA LÂM HÀ NỘI

Đinh Thị Dinh, Đặng Văn Đông,
Chu Thị Ngọc Mỹ

SUMMARY

Results of evaluating growth and development of some *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl varieties in Gia Lam, Hanoi

Rhynchostylis gigantea belongs to *Rhynchostylis* genus is a beautiful orchid flower with honey smell and high economic efficiency. However, this species has not been developed in Vietnam. From 2010 to 2012, researchers in Fruit and Vegetable Research Institute (FAVRI) collected, introduced and evaluated growth, development ability of some *Rhynchostylis gigantea* varieties. The results have shown that native orchid varieties grew and developed better than introduced ones when they were planted in Vietnam condition. After three years after plantation, two native varieties as 'ĐC đốm tím 1' and 'ĐC đốm tím 2' had six leaves with the leaf length was 24.5cm and 27.5cm, respectively. The number of flowers reached 26.3 and 25.2 buds per stem with flower stems length were 16.8cm and 16.5cm. Two varieties have a natural flowering time were 24 days and 23 days, unsensitive with dangerous diseases and pests. Both varieties possessed white color with purple spot, sweet fragrance and attractive flowers for customers. Three introduced varieties as 'ĐC đỏ', 'ĐC trắng' and 'ĐC đốm đỏ' grew slowly. After three years, the average of leaf number were from 5.1 leaves to 5.3 leaves per stem with the leaf length was 20.3cm to 21.6cm. The number of flowers reached 21.5-24.3 buds per stem with flower stems length were 12.6cm-14.2cm. Three varieties have a natural flowering time were 19-22 days, sensitive with dangerous diseases and pests

Keywords: Evaluate, development, grow, *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl selected variety, variety.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa lan Đai châu *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl thuộc chi Ngọc điểm

(*Rhynchostylis*) là loài phong lan có màu sắc đẹp, hương thơm ngọt ngào, dáng hoa chùm, rủ, cây hoa có một vẻ đẹp rất tự nhiên, quyến rũ và thanh cao. Hoa lan Đai